

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 45

### Phẩm 5: NÓI VỀ TÙY MIÊN (PHẦN 1)

Đã nói các nghiệp và quyết trạch rồi, trong các Khế kinh đều nói chiêu cảm có xứ, đều nói các nghiệp có thể làm nhân dẫn. Tuy nhiên, nhận thấy ở thế gian, có người lìa nhiễm, dù cũng tạo nghiệp thân, ngữ, ý thiện, nhưng vẫn không có công năng chiêu cảm của quả hữu sau, nên đối với chiêu cảm nghiệp hữu, lẽ ra chẳng phải nhân. Nghiệp chỉ làm nhân, không phải điều mà ta thừa nhận, vì cần sự giúp sức của tùy miên, nghiệp riêng mới có thể chiêu cảm. Cho nên, giáo duyên khởi, đầu tiên nói tùy miên.

Ở đây, lại do đâu, tùy miên có bao nhiêu? Tụng nói:

*Tùy miên, gốc các hữu*

*Sai khác này có sáu*

*Tức tham, giận cũng mạn*

*Vô minh, kiến và nghi.*

**Luận nói:** Do tùy miên này là gốc các hữu, nên nghiệp lìa tùy miên này, không có công năng chiêu cảm hữu.

Vì sao tùy miên có công năng làm gốc của hữu?

Vì các phiền não hiện khởi làm mười sáu việc.

1. Căn bản vững chắc, khiến được vững chắc. Vì đối trị xa, nên phiền não căn bản, nghĩa là phiền não đăc.

2. Sự sinh dựa vào thô, nặng, có thể nói trong cảnh là chỗ dựa, vì không có tánh chịu đựng gánh vác.

3. Kiến lập sự nối tiếp nhau, vì thường khiến cho sự liên tục khác sanh khởi.

4. Tư sửa sang ruộng mình làm sao được thành chỗ dựa, thuận với trụ kia.

5. Ghét trái với tánh tướng công đức, vì trái với các công đức.

6. Vì nhàm chán, quở trách nghiệp thân, ngữ, ý mà phát trí đã nhàm chán quở trách.

7. Dẫn dắt lưu độc, có khả năng dẫn như tùy phiền não của mình.

8. Ngăn chặn con đường giải thoát, vì trái bỏ gần gũi với người chánh thuyết.

9. Có thể phát nghiệp, có phát khởi, công năng chiêu cảm nghiệp của hữu sau.

10. Thân nhiếp trợ giúp chính nó, thường thân nhiếp, vì khởi tác ý phi lý.

11. Mê ở cảnh là sở duyên, làm hại tuệ chánh giác của tự thân.

12. Trồng các hạt giống khổ, sinh ra tất cả khổ sinh tử.

13. Sắp dẫn dắt thức, truyền đến cảnh sở duyên của hữu sau, có công năng dẫn dắt thức.

14. Trái vượt phẩm thiện, khiến cho các pháp thiện đều lui mất.

15. Nghĩa ràng buộc rộng, khiến không thể vượt qua địa mình, cõi mình, nuôi lớn cõi nhiễm ô.

16. Thân nhiếp các quả tăng thượng phi ái thế gian, do đó ngoại vật đều suy vi biến đổi.

Do đó, tùy miên có thể làm gốc của hữu, nên nghiệp nhân tùy miên này có chiêu cảm, có công năng, mặc dù người lìa nhiễm, cũng vẫn tạo nghiệp thiện, mà không có thể lực làm chiêu cảm hữu sau.

Thế nên, người trí nên siêng năng, tinh tấn, tư duy, lựa chọn tùy miên, nhanh chóng khiến trừ diệt.

Lấy nghĩa của môn nào để tư duy, lựa chọn tùy miên?

Nghĩa là quán tùy miên, đối tượng dứt của Kiến đạo này, đối tượng dứt của Tu đạo này. Đây chính là hai pháp ấy của một bộ, bốn pháp ấy chung cho năm bộ này. Đây là biến hành, đây không phải biến hành. Tự giới này khắp, giới cõi người này khắp.

Duyên hữu lậu này, duyên vô lậu này, duyên hữu vi này, duyên vô vi này?

Tùy miên ấy khởi thế nào? Tùy tăng là sao?

Tùy miên này vì do nhận biết khắp sở duyên, nên dứt. Tùy miên này do dứt diệt sở duyên, nên dứt. Tùy miên này vì hại và giúp, nên dứt. Tùy miên này vì do thanh tịnh nối tiếp nhau, nên dứt. Tùy miên này tương ứng với tùy miên kia, tùy miên này không tương ứng với tùy miên kia. Tùy miên này dứt rồi có thể lùi lại, tùy miên này dứt rồi không thể thối lui. Tùy miên này có dị thực phi ái. Tùy miên này hoàn toàn không

có dị thực. Tỳ miên này là đẳng Vô gián của tỳ miên kia. Tỳ miên này là sở duyên của tỳ miên kia. Tỳ miên này do sở duyên dứt. Tỳ miên này do sở duyên phẩm dưới dứt. Thể của tỳ miên này dù đã dứt, nhưng vì sở duyên nên bị ràng buộc. Tỳ miên này ở địa định, không chấp nhận được có. Tỳ miên này không phải là đối tượng diệt của đạo đối trị ở thế gian. Tỳ miên này chỉ là ý thức thân, tỳ miên này có ở cả sáu thức thân. Tỳ miên này có thể cùng khởi hai nghiệp thân, ngữ. Tỳ miên này có thể dứt thiện căn. Tỳ miên này làm nối tiếp thiện căn. Tỳ miên này là tánh kiến. Tỳ miên này không phải là tánh kiến. Tỳ miên này chỉ là chín phẩm dứt. Tỳ miên này chỉ một phẩm dứt.

Một phẩm dứt này, hoặc chín phẩm dứt. Tỳ miên này do tỳ miên kia nên được thành. Tỳ miên này do tỳ miên kia nên không được thành. Tỳ miên này vì tỳ miên kia nên tương ứng. Tỳ miên này do tỳ miên kia nên không tương ứng. Tỳ miên này đối với vị tỳ miên kia, chấp nhận có hiện hành. Tỳ miên này dù chưa dứt, nhưng không hiện hành. Tỳ miên này chỉ dứt ở cõi Dục, tỳ miên này cũng dứt ở cõi trên, có thành tựu quả này, không có thành tựu quả này, tỳ miên này đồng đối trị, tỳ miên này đối trị riêng.

Do nhiều môn nghĩa như vậy v.v..., nên phải khéo tư duy, lựa chọn.

Tương các tỳ miên như thế, có khéo biết tướng tỳ miên rồi mới có thể quyết định dứt trừ tỳ miên, cũng có khả năng vì người khác nói rõ ràng không bị đảo ngược. Phẩm thiện nối tiếp nhau của mình và của người lại sinh, có thể nhanh chóng biết rõ phương tiện trừ bỏ. Thế nên, nếu muốn làm lợi lạc cho mình, cho người thì phải tư duy, lựa chọn như thế đối với tỳ miên.

Sự khác nhau của tỳ miên, lược có sáu thứ: là tham, giận, mạn, vô minh, kiến và nghi.

Ở đây, Kinh chủ giải thích thế này: Tụng nói cũng nói ý biểu thị mạn v.v... cũng do sức của tham tỳ tăng đối với cảnh, nghĩa là Khế kinh nói: Do yêu sinh giận, như giận do sức của tham tỳ tăng đối với cảnh. Mạn v.v... cũng do tham, nên lại nói là cũng.

Giải thích này vô lý, vì không phải theo ý văn. Nghĩa là ở đây vốn vì nêu số, nêu danh, không làm rõ nghĩa tỳ miên này do tỳ miên kia, đối với cảnh tỳ tăng. Nay, rõ ràng chữ cũng là làm đầy đủ câu nói. Nếu muốn cho câu tụng này có nghĩa riêng, lại vì phương tiện giải thích không có lỗi, nghĩa là giận như tham, dù có nhiều loại, nhưng có thể nói chung là một tỳ miên. Vì mạn v.v... cũng thế, nên lại nói cũng.

Hoặc văn này vì chỉ rõ về hành tướng tham không đồng với giận, cho nên lập riêng.

Mạn v.v... như thế, về hành tướng của chúng dù đồng, nhưng nghĩa khác có khác, nên cũng lập riêng và tiếng vì giải thích rõ căn cứ ở trái nhau, hoặc biểu thị thâm nhiếp chung hết loại tùy miên.

Nếu số các tùy miên, chỉ có sáu thì vì sao kinh nói có bảy tùy miên? Tụng nói:

*Sáu thành bảy do tham  
Hai cõi trên : hữu tham  
Vì chuyển ở môn trong  
Vì ngăn tướng giải thoát.*

**Luận nói:** Tức ở trước đã nói: Trong sáu tùy miên, vì chia tham làm hai, nên kinh nói bảy. Bảy tùy miên là :

1. Tùy miên dục tham.
2. Tùy miên giận.
3. Tùy miên hữu tham.
4. Tùy miên mạn.
5. Tùy miên vô minh.
6. Tùy miên kiến.
7. Tùy miên nghi.

Tùy miên dục tham căn cứ vào nghĩa nào để giải thích?

Vì thể của dục tham tức là tùy miên, là nghĩa tùy miên của dục tham. Đối với sáu nghĩa khác, gạn hỏi cũng như thế.

Kinh chủ ở đây, giải thích rằng: Đây là nghĩa tùy miên của dục tham, nhưng thể của tùy miên không tương ứng với tâm, không phải bất tương ứng, vì không có vật riêng, nên vị thù của phiền não gọi là tùy miên, vì ở trong vị giác tức gọi là triền.

Sao gọi là thù?

Nghĩa là hạt giống theo đuổi không hiện hành.

Sao gọi là giác?

Nghĩa là các phiền não hiện khởi ràng buộc tâm.

Nghĩa gì gọi là hạt giống phiền não?

Vì sao công năng khác nhau trên tự thể. Từ phiền não sinh, có công năng sinh ra phiền não, như hạt giống niêm là trí chứng sinh, có thể sinh công năng sai khác của niêm vị lai. Lại, như mầm v.v... có quả trước sinh, có thể sinh công năng khác nhau của quả sau.

Nay, xét rõ cách giải thích kia, về lý, không đúng, vì tự thừa nhận tùy miên là các phiền não, không có vật thể riêng, nên pháp không

niêm ô là thể của phiền não, về lý không thành, nên không thể nói thùy là thể của tùy miên, nên không có một ít vật gọi là thùy tùy miên. Lại, nếu tùy miên là hạt giống phiền não, thì lia các phiền não, sẽ không có vật riêng, không nên nói là công năng khác nhau trên tự thể. Từ phiền não sinh, có công năng sinh, gọi là hạt giống phiền não.

Lại, thuyết kia chấp công năng phiền não. Phiền não này dùng sinh làm tánh, không thể nói phiền não thùy này lia giác, phiền não không có vật riêng. Nếu không phải là phiền não dùng sinh làm tánh, như thế tánh sinh Há phải vật thể riêng! Lại, không nên nói vị thùy phiền não, gọi là tùy miên, vì nếu công năng này tức là phiền não thì cũng không phải phiền não.

Nói như thế, về nghĩa chưa hề được nghe. Nếu công năng này chẳng phải tánh phiền não, cũng không phải tánh khác, mà nói là sinh, thì điều này rất ít có, vì không có tự thể mà thừa nhận, là vì hiện tại, nên không phải pháp không có tự thể, có thể được nói là từ phiền não sinh, công năng sinh phiền não. Lại, tông, nhân mà thuyết kia đã lập trái nhau. Vì sao? Vì thuyết kia nói: Nhưng thể của tùy miên chẳng phải tương ứng với tâm, chẳng phải không tương ứng, vì không có vật thể riêng.

Nay, phải vấn nạn thuyết kia nói không có vật thể riêng: Vì khi lia giác, tự thể của các triền, là lia tự thể, đối tượng nương tựa của vị thùy, hay lia khác với hai, nhóm pháp thứ ba không có vật thể riêng ư?

Nhưng đều phi lý, vì pháp kia không phải tánh loại của phẩm này. Lại, thùy này vì lia giác kia nên không có tự thể riêng. Lại, lia tương ứng, thì không tương ứng lẽ ra có riêng một, trái với hai pháp sinh, nhưng pháp thứ ba này, tất nhiên không thể được. Cho nên, thuyết kia nói chỉ có lời nói giả dối. Lại, lời nói đầu tiên của thuyết kia: Nhưng thể của tùy miên không phải tâm, tương ứng chẳng phải không tương ứng. Lời nói này là thành thật, vì đều không có tự thể. Về sau, chẳng nên nói công năng khác nhau, từ phiền não sinh, công năng sinh phiền não, vì pháp không có tự thể, không phải nhân quả.

Lại, trong kia, đây, căn cứ vào lý riêng nào?

Chỉ chấp vị không hiện hành của phiền não, hạt giống theo đuổi, được gọi là tùy miên, chẳng phải hạt giống của pháp khác cũng đặt tên này.

Như đối tượng chấp kia cũng có công năng sai khác của tâm v.v... Từ tâm v.v... sinh, có thể sinh tâm v.v... gọi là hạt giống.

Vì sao không nói cũng là tùy miên của tâm v.v...?

Ở đây, Thượng tọa bộ lập nhiều chứng nhân, cho rằng tùy miên tức là loại phiền não được các hữu tình này nối tiếp nhau, gìn giữ, không do công sức, vì thường theo đuổi. Do biết khắp, vì người kia đã dứt các khổ, vì quán sát người kia nhanh chóng có thể dựa vào đối trị. Người trí thường quán nó làm tánh bệnh.

Chỗ lập như thế đều không phải nhân chứng. Thừa nhận trong thân hữu tình, vì đủ năm loại uẩn. Hoặc nói thuyết kia đã thừa nhận có loại nghiệp, nên công năng của tâm v.v... không do công sức, cũng thường theo đuổi.

Trong kệ kinh nói: Nhận biết khắp các pháp, vì thôi dứt các nỗi khổ.

Nếu quán lỗi lầm của triền hiện hành, người kia rất có thể nhanh chóng dựa vào pháp đối trị. Kinh nói: Người hiểu biết nên thường quán sát-năm thứ thủ uẩn vì là tánh bệnh.

Ai có giám sát: Đối với chỗ lập chứng minh tùy miên mà tâm có thể sinh vui. Lại, thể của tùy miên đối với tự nối tiếp nhau đã thường theo đuổi vì sao không phải hiện hành. Dùng tên gọi hiện hành là để chỉ cho hiện tại.

Do đó, Kinh chủ ghét lập tùy miên. Lại, dụ đã lập, như niệm hạt giống là trí chứng sinh, có thể sinh công năng khác nhau của niệm vị lai, cũng không giống như tông của ta nói: Niệm hạt giống, tức là ở sau trí chứng, đầu tiên duyên lại niệm thật. Từ trí chứng trước, cùng khởi niệm sinh, có thể sinh, thời gian sau, trí nhớ đều có niệm. Đây là biểu thị tức ý niệm trước, sau, dẫn nhau có thể chiêu cảm đến công năng khác nhau. Tự thể của niệm kia cùng sinh, không có riêng phiền não thật. Từ triền trước kia khởi, hay sinh triền ràng buộc sau, có thể gọi là tùy miên. Vì hạt giống phiền não, nên dụ đối với pháp, cách nhau rất xa.

Do đó, nên biết được dụ thứ hai kia, đối với pháp đã so sánh, cũng không có công năng chứng, nghĩa là trong mầm v.v... có sắc v.v... thật. Từ sắc v.v... thật của phần vị quả trước sinh, có thể sinh pháp sắc v.v... thật của quả ở thời gian sau.

Tông kia đã lập công năng sai khác của tùy miên phiền não không có việc như thế. Lại, không có đồng loại mầm v.v..., nhân quả nối tiếp nhau, cùng lúc có chủng tử phiền não trong tự thể, cùng có nghĩa với triền, thì không nên chấp.

Công năng phiền não ở trong tự thể, đã diệt từ trước, các phiền não khởi, cũng như mầm v.v... sinh ra công năng khác nhau từ quả trước. Như thế, chính là ăn gạo ngang bằng với tông. Há được dẫn đến nhờ

và tìm tòi Thánh chỉ. Người ghét nói pháp, vì chấp giả dối, so với Kinh chủ, luận rất kém so với tông kia, nghĩa là trong tông kia thừa nhận có pháp riêng, được gọi là hành là nhân của quả trí. Nhưng tông của Kinh chủ không có vật thật riêng gọi là hạt giống.

Thế nào gọi là nhân quả của phiền não cho nên rất yếu?

Ở đây, Thượng tọa bộ cho rằng: Phật, Đức Thế Tôn tự nói: Các triền khác với tùy miên, nghĩa là các phiền não hiện khởi gọi là triền, vì nối tiếp nhau, có thể ràng buộc hiện ở trước, nên phiền não tùy theo giới, gọi là tùy miên. Nhân tánh thường theo đuổi mà vì như ngủ, như ẩn núp, nên do Khế kinh nói: Ấu trĩ, đồng tử, trẻ con bệnh ngủ, dù không có nhiễm dục, nhưng vẫn có tùy miên dục tham tùy tăng. Ở đây, chỉ nói có tánh của các tùy miên.

Lại nói: Một loại ở trong nhiều thời gian, bị triền dục tham ràng buộc tâm mà chấp trụ.

Văn này chỉ nói có triền phiền não. Lại, nói một loại, không phải bị dục tham ràng buộc trong nhiều thời gian mà trụ. Nếu tạm thời, lúc ấy tâm khởi triền dục tham, tìm phương tiện xuất ly như thật biết, người kia do đó nên đối với triền dục tham, có thể dứt trừ thích đáng và dứt tùy miên.

Đoạn văn này nói chung triền và tùy miên. Do đó, nên biết được phiền não hiện khởi, phiền não tùy theo cõi, gọi là tùy miên triền. Nếu tiếng tùy miên, gọi là phiền não, thì điều này không đúng, vì không hề có nói.

Lại, đã dứt trừ, riêng có được, nên tùy miên như thế lấy gì làm thế?

Nếu tùy miên kia lấy phiền não kia làm thế, là tùy theo vào tánh công năng của pháp kia. Hoặc tùy miên này dùng cả bốn uẩn làm thế, vì công năng thường theo đuổi tâm, tâm sở, nên tánh tương ứng ấy cũng không tương ứng như các tâm sở. Nhưng vì tự thể của tùy miên kia không thể nói mà không ghi nhận riêng. Dứt bỏ điều này, thường đồng với bác bỏ nghĩa Kinh chủ.

Lại, nói một cách tường tận, vẫn còn có lỗi thô chưa dứt trừ. Và lại, thuyết kia đã tỏ bày tiếng tùy miên của tông trước kia, gọi là đắc, ấy là tạo nên sự bác bỏ này.

Giải thích này không đúng. Lại, nói về nhân, nói là không hề nói. Lại đã dứt trừ, vì có đắc riêng, nên nhân này không có công năng tùy theo cõi, đồng, nghĩa là không hề có chỗ nào nói là theo đuổi cõi, gọi là tùy miên, không nói dù đồng, nhưng thừa nhận lý được là mạnh hơn.

Do Khế kinh nói: Vì tùy miên dứt, nên chẳng phải không có thật thể. Pháp có thể đều cùng dứt với có. Do đó, dứt trừ, đã dứt trừ được, nói là lìa được có thì nói cái gì là tánh tùy miên. Mà nói là dứt trừ vị triền và tùy miên dứt?

Chẳng phải sư Kinh bộ có thể quyết định biểu thị tánh tùy miên này là có, có thể dứt, lại không phải là thể của tùy miên.

Có thuyết nói: Vì tiếng tùy miên, nên tiếng tùy miên gọi là đắc, không có lỗi, nghĩa là Đức Phật chỉ nói: Có bảy tùy miên, mà tiếng tùy miên có chỗ nói là sắc, như Khế kinh nói: Tùy miên có sắc, nếu giác, hoặc tư, thì ấy là vì tùy tăng.

Như thế, tùy miên được dù không phải tùy miên, mà nói là tiếng tùy miên, về lý, cũng là tốt.

Lại cách giải thích của thuyết kia trước, sau, trái nhau vì đã thừa nhận thuyết nói tham v.v... là tùy miên, có nghĩa là thuyết kia, trước giải thích tham v.v... không phải tùy miên. Sau giải thích kinh, lại nói là tùy miên tức tham v.v...

Lại, xem xét, tư duy, lựa chọn, tông của Thượng tọa bộ, triền và tùy miên dứt, đều có là phi lý. Thế nên nên xả tùy miên, khác với triền, đều phi lý, như sẽ nói sau.

Nay, dẫn trái với kinh đã dẫn ở trước, nghĩa là có kinh nói: Nay các ông! Vì sao Kiều-đáp-ma đã tu phạm hạnh? Vì cầu dứt. Cầu dứt pháp nào? Dứt tham, sân, si và ba kết v.v...

Trong đây, không nói riêng dứt tùy miên.

Thượng tọa bộ trong đây, giải thích rằng: Tham v.v... trong đây, tức là tùy miên.

Há là trước kia đã nói và tùy miên, nghĩa là tùy miên được, không gọi là tùy miên? Không như vậy, hai kinh lẽ ra có trái nhau, vì không hề có nói, nên đã chứng tỏ phi lý, không phải chủ trương của kinh bộ. Kinh nói có nghĩa dứt, vì tương ứng với tâm, vì quá khứ, vị lai không có, không phải vì tùy miên dứt, nên triền về sau không sinh, gọi đoạn. Kinh nói và dứt, chứng tỏ cả hai cùng lúc dứt. Lại, kinh này nói triền vượt hơn tùy miên, vì trước kia đã nói: Dứt trừ triền và tùy miên. Nếu không như vậy, thì lẽ ra phải nói tùy miên và triền.

Nếu dứt tùy miên, triền mới dứt, thì lý tùy miên vượt hơn, nên phải nói trước. Lại, vì tùy miên chưa dứt, triền chấp nhận có không sinh, nên không phải bất sinh tức gọi là dứt. Hoặc triền ở vị bất sinh thì được gọi là dứt, không phải tùy miên đoạn nên triền mới gọi dứt. Hoặc lẽ ra tùy miên dứt, triền mới không sinh, chứ không phải lúc chưa dứt, có lý



bất sinh, vì thể của tùy miên kia cũng không có nghĩa dứt, vì không có vật thể riêng, như hoa đốm trong hư không v.v.... lại thuyết kia đã nói: Nếu tùy miên kia dùng phiền não kia làm thể, tùy theo tánh công năng của pháp kia, nên cách giải thích này cũng không phải tốt.

Nếu triển dụng tham đã dẫn tùy miên, tức dụng, tham, thì tâm học lẽ ra với thể của dụng tham là một. Tùy miên kia, không có tự thể riêng.

Tâm học là các triển dụng tham, của học không phải là Hữu học Vô học, sao có thể nói là: Nếu tùy miên kia dùng pháp kia làm thể?

Lại, các triển dụng tham của vị tùy miên đã diệt, không có tự thể, làm sao có thể nói là có tùy miên dụng tham, vì lấy dụng tham làm thể. Thuyết đã nói kia, có lời mà vô nghĩa.

Lại, kia nói hoặc dùng chung bốn uẩn này làm thể, vì công năng đeo đuổi pháp tâm, tâm sở, cũng không đúng, vì thể của tùy miên dụng tham không có khác nhau. Chấp pháp sai khác dùng làm tự thể, không phải người quán sát lý sinh xứ hoan hỷ.

Lại, thọ, tưởng, thức bị dụng tham theo đuổi, tức nói gọi là tự thể của dụng tham, cũng không phải người giám sát, vì sinh xứ hỷ.

Lại, thuyết đã nói kia, tánh tương ứng này cũng không tương ứng, như các tâm sở. Lời người kia nói, như có lúc không biết gỗ đậu, hoa Phược ca, chim Câu-chỉ-la có hỏi thế này: Chim Câu-chỉ-la, sắc nó thể nào? Đáp: Sắc tươi, trắng, ngay ngắn, giống như khi mâm gỗ đựng đậu, hoa Phược Ca, không hề có chỗ nào nói, cũng không có lý chứng minh, thể của các tâm sở là tánh tương ứng, sao lại nói tùy miên như các tâm sở, là tánh tương ứng, cũng không tương ứng.

Nếu nói rằng: Khác với tự thể tâm sở, giống với hành tướng, thì không tương ứng, thừa nhận tùy miên khác với thể của tùy miên, giống với hành tướng, đã được tương ứng, thì không nên nói là thể của các tùy miên, như các tâm sở cũng không tương ứng. Lại, không nên thừa nhận các tâm sở pháp có không tương ứng, vì không đợi tương ứng, mới kiến lập có không tương ứng. Lại, thuyết kia nói: Tự thể của tùy miên vì không thể nói, mà không ghi nhận riêng, thật như nói: Tùy miên của tông kia, cũng như sừng ngựa, vì không thể nói.

Tóm lại, đối tượng chấp của tông kia phần nhiều không có thật thể ghi nhận. Muốn tìm tòi, hiểu biết thích đáng ở Phật giáo, tất nhiên, không nên tập cận luận sư như thế, vì người thông minh, tập theo luận kia thì các tuệ giác hiện có đều kém cõi, tối tăm dần. Vì thuyết luận kia nói phần nhiều bất định vì văn nghĩa trước, sau trái nhau nhau, vặn hỏi vô trách nhiệm vượt ngoài Thánh giáo, nên các sư Đối pháp đều nói thế

nầy: Thể của dục tham v.v... tức là tùy miên. Như Khế kinh nói: Nếu tiếp xúc với lạc, thọ, bèn sinh hân hoan vui mừng an ủi, chấp chặt, đắm mê, mà trụ, tức đối với lạc thọ, có tùy miên tham. Trong đây tiếng tùy miên, tức nói về hân hoan mừng rỡ v.v...

Kinh chủ trong đây, giải thích rằng: kinh chỉ nói có, không nói lúc ấy, tức có tùy miên nào có trái hại gì?

Có vào lúc nào?

Có khi người kia đang ngủ, hoặc giả đối đối với nhân, lập tướng tùy miên.

Giải thích nầy thật phi lý, vì bấy giờ tùy miên được nói tiếng hiện có, về lý không thành, nghĩa là không phải chánh khởi triền tham, sát-na có tùy miên tham, có thể nói là hiện hữu, tức đối với lạc thọ, có tùy miên tham, vì nói là hiện có tùy miên trong lạc thọ. Lại có tự thể của tùy miên, lẽ ra không thể biết, nghĩa là tiếng có tùy miên mà kinh đã nói, nếu tánh có cùng có, hoặc tức tánh có, thì đối với pháp không có tự thể, về lý đều không thành, vì đều có, đều cùng có và tánh có.

Lại, Kinh chủ nói nói có tùy miên, đâu thể biết, không phải bấy giờ mà vào lúc khác mới có, có, nghĩa là có thể, là nghĩa hiện có. Như Khế kinh nói: trong các dục, nếu có dục tham, thì tâm bị ràng buộc trụ, cho đến nói rộng. Lại, như kinh nói: Có các hữu tình đối với cảnh đáng yêu, có dục, có tham, cho đến nói rộng.

Há cũng chấp có nầy và nói có phược?

Không phải vào lúc bấy giờ, mà là lúc khác, có phược. Lại như kinh nói: Vì ở đây không có, nên ở kia không có. Há cũng có thể nói là thời gian khác không có nghĩa. Nên, Kinh chủ giải thích cố định, là phi lý, do ở đây đã dứt trừ nhân giả lập, nghĩa là kinh chỉ nói nói có tùy miên, đâu thể biết, nói nhân không phải thể của tùy miên. Lại, vì thể của tùy miên bấy giờ không có, vì thế không nên ở có, vì đặt tên không phải có, nên biết tùy miên tức dục tham v.v...

Đối với tự nối tiếp nhau, vì miên tùy tăng, nhưng nay, ta giải thích trong kinh Đại Mẫu: “Tùy miên dục, tham, tức tự thể của dục tham”, không phải ý nầy nhằm nói các tùy miên đắc. Tùy miên dục tham đã tùy tăng: Là nghĩa tùy phược (ràng buộc theo).

Sao tùy phược, không phải do tự thể, mà do khởi mà được? Như kẻ thù có sức mạnh, dù ở phương xa, nhưng thâm sai khiến theo dõi, rình rập, vạch ra tỳ vết, lỗ hổng, nên luận này giải thích chung danh từ tùy miên, nghĩa là thường đi theo và luôn ràng buộc theo. Thuyết này nói khởi mà được, chứ không phải làm sáng tỏ được thể.

Lại, tức kinh kia nói: Và tùy miên dứt: Biểu thị triển dụng tham, không có nghĩa tận khác, nghĩa là lúc dứt tám phẩm Tu đạo đoạn, tùy miên của một phẩm cũng còn có thể ràng buộc theo.

Vì biểu thị thể dứt, nói chánh dứt trừ và tùy miên dứt là nói tùy phược đều dứt hết, như Khế kinh nói: Ở đây, đã sinh vô lượng chủng loại pháp ác bất thiện, diệt hẳn không còn và dứt tùy phược. Ý này cũng biểu thị đều tùy miên diệt. Thế nên, tùy miên tức dụng tham v.v... không phải tùy theo cõi v.v... lý ấy khéo thành.

Phân biệt luận sư nói thế này: Thể của các tùy miên là không tương ứng, không giác, không tư duy, vì có tùy miên, nghĩa là Khế kinh nói: Không giác, không tư duy cũng là tùy miên, tùy tăng, tùy phược. Lại, phiền não, vì đều cùng lúc, nghĩa là Thánh đạo khởi, tương ứng với tâm. Nếu dứt phiền não tương ứng với tâm thì Thánh đạo có phiền não cùng có. Lại, lẽ ra phi Vô học cũng không có phiền não, nghĩa là chấp tùy miên tương ứng với tâm, là phạm phu Hữu học, với tâm thiện, vô ký hiện ở trước, nên không có phiền não. Tuy nhiên, không phải điều được thừa nhận. Cho nên, biết tùy miên thuộc về Bất tương ứng hành uẩn.

Giải thích của luận sư này có thể đả phá Kinh bộ, không can dự đến tông ta, vì tông của ta thừa nhận quá khứ, vị lai có thật thể, nghĩa là mặc dù hiện tại không giác, không tư mà bị dẫn dắt do giác, tư duy quá khứ, vị lai.

Các thể của tùy miên, thật tướng, tùy miên tùy tăng, tùy phược tương ứng với tâm, cho đến trước khi chưa dứt giác, tư v.v... Ở trong nối tiếp nhau, luôn hiện khởi được tùy tăng, tùy phược không hề có gián đoạn.

Do đó, cũng không có lỗi đạo, hoặc cùng có cũng không có lỗi phi Vô học, Hữu học không có phiền não vì phiền não vì phiền não được không phải phiền não. Vì sự ràng buộc của phiền não quá khứ vị lai này, nên như tông của ông khi bậc Thánh hiện khởi phiền não, không có đạo, phiền não cùng có và thành lỗi phạm phu. Tông của ta, khi Hữu học khởi Thánh đạo, không có đạo, phiền não cùng có và không có lỗi phiền não. Lại, đâu dùng chấp bất tương ứng này, để có thể làm nhân sinh ra các triển!

Cách giải thích này không đúng, vì không hề có nói, nên Phật nói: phiền não chỉ dùng bất luật nghi, của tướng vô minh, tác ý phi lý, tà phân biệt v.v... làm nhân, nên sinh, không nói vì tùy miên làm nhân, nên khởi. Nhưng phân biệt luận và sư Kinh bộ đều chấp giả đối tùy miên là tánh nhân của triển.

Lại, đối tượng chấp này có lỗi thái quá. Nghĩa là nếu tùy miên vì làm nhân của triền, nên chấp thể của tùy miên là bất tương ứng. Kinh nói là nhân của vô minh, nghĩa là tác ý phi lý. Sự tác ý phi lý này, lẽ ra là bất tương ứng.

Ở đây không thừa nhận cách giải thích này, nên thuyết kia nói là thế nào?

Lại, thể của tùy miên, nếu thừa nhận tương ứng thì có thể làm tánh nhân của tùy miên, triền, chứ không phải bất tương ứng của chấp giả đối khác, vì Khế kinh nói: Các hữu Bí-sô! Đối với việc kia, nếu phần nhiều khởi tâm tứ, thì do đó, do tâm này là chìm đắm, vướng mắc.

Lại, với lý như thế, thế gian hiện tại có thể biết, do dục tham phẩm hạ, trước thường hiện khởi, sau, là thường khởi dục tham phẩm thượng.

Lại, nếu tùy miên không phải là tánh tương ứng, thì chỉ có tùy miên này tạo ra nhân của triền tham v.v... chưa lìa dục tham, các loài hữu tình nếu gặp triền của cảnh giới khởi lẽ ra đồng, vì hiện sinh nhân không có khác nhau.

Đã không thừa nhận như thế, nên chấp tùy miên và triền làm nhân, nhất định là chấp ngang trái. Nhưng thể của tùy miên nhất định là tương ứng, vì kinh nói: Tùy miên vì hôn hởi, vui vẻ v.v... nghĩa là dẫn trong Khế kinh đã dẫn trước nói: Nếu tiếp xúc lạc thọ, sinh ra hân hoan, mừng rỡ v.v... tức đối với lạc thọ, sẽ có tùy miên tham, chứ không phải bất tương ứng, mà được gọi là hân hoan, mừng rỡ v.v...

Lại, kinh nói: Vì tùy miên che át tâm nên cho rằng Khế kinh nói tham che át tâm. Do tùy miên này vận hành hành vi ác của thân, ngữ, ý. Nếu thể của tùy miên là bất tương ứng, thì phải tạo các hành vi ác trong tất cả thời gian.

Lại, Khế kinh nói: Tâm thọ tham nhiễm, nếu thể của tùy miên là bất tương ứng, thì lẽ ra tâm không nhiễm, hoặc phải thường nhiễm. Nếu cho đối tượng dẫn đều là các triền, trong đây đều không có tiếng tùy miên.

Sao không cho rằng đều là tùy miên?

Vì trong đây không có tiếng triền.

Lại, cách giải thích của thuyết kia trái với tự tông, vì nếu không có tiếng tùy miên, tức chấp làm triền, thì như Khế kinh nói: Vô minh làm nhân sinh tham, giận, si, lẽ ra cũng chấp triền làm nhân sinh ra triền, chứ không phải do sức tùy miên, đây tức là trái với tông đã lập trước kia là nghĩa. Tùy miên làm nhân sinh ra các triền.

Lại, nếu thể của tùy miên không tương ứng, thì tùy miên kia có bị trái với tâm thiện hay không? Nếu trái thì các tâm thiện lẽ ra rất ráo bất sinh, vì tùy miên thường có. Nếu không trái thì các tùy miên không nhiễm não tâm, nhưng kinh nói nhiễm não. Như Khế kinh nói: Tham nhiễm não tâm khiến không giải thoát. Vô minh nhiễm tuệ, khiến không thanh tịnh.

Nếu cho rằng tham nhiễm não, không phải tùy miên tham, vì sao làm nhân chứng biết như thế? Như tham nhiễm làm tánh năng nhiễm não tâm, như thế, tùy miên tham cũng lấy nhiễm làm tánh, sao không nói năng nhiễm, não tâm?

Lại, như thể của kết ái, tức là ái năng nhiễm não tâm, nên thể của tùy miên tham, tức là tham cũng hay nhiễm não. Hoặc thuyết kia nên nói nhân duyên sai khác.

Vì sao kết ái là tánh tương ứng, thể của tùy miên tham là bất tương ứng?

Đức Phật quán sát hữu tình có ý thích khác nhau, đối với các phiền não, lập ra nhiều tên gọi, như một dục tham, nói tên dục lậu, dục thủ, dục ách, tùy miên dục thâm, dục bộc lưu, cái tham dục, tên kết ái v.v... có nhiều tên.

Ở trong danh sai khác của một dục tham, nếu thể của tùy miên là bất tương ứng, chấp là tùy miên của dục tham ấy, thì dục lậu v.v... bất tương ứng, lẽ ra cũng chấp làm lậu v.v... của dục. Nếu dục lậu v.v... không phải bất tương ứng thì nên thừa nhận tùy miên là pháp tương ứng, đều là tên khác của dục tham. Do lý này chứng minh thể của tùy miên dục tham, tức dục tham làm nhiễm não, do Khế kinh nói: Vì tham nhiễm não tâm, khiến không giải thoát? Nên không thể chấp tùy miên thường có là bất tương ứng, vì các tâm thiện chấp nhân ở vị có khởi, nên thể của tùy miên nhất định là tương ứng.

Kinh chủ trong đây, trước nêu ra thuyết của Tôn giả Pháp Thắng đã nói: Vì các tùy miên nhiễm não tâm, vì che lấp tâm, vì trái với điều thiện, nên không phải bất tương ứng. Về sau, liền bác bỏ: Những lý do này đều không phải là chứng nhân thừa nhận thể của tùy miên là bất tương ứng, không thừa nhận tùy miên làm ba việc trên, chỉ thừa nhận ba việc là việc làm của triền.

Ở đây đều chưa hiểu tường tận ý của Đại đức kia.

Ý của Đại đức kia, như ta đã nói trước đây: Nếu cho rằng tùy miên như phiền não đắc, thể nó dù thường có, nhưng lại không chướng ngại tâm thiện.

Cách giải thích này cũng không đúng, vì tên khác của phiền não, tùy miên, vì thể không hề có nói.

Vả lại, phân biệt luận chấp thể của tùy miên là bất tương ứng, có thể ít có tác dụng. Tông kia không phải bác bỏ quá khứ, vị lai, chớ cho phiền não sinh, không có nhân, tuy nhiên Độc Tử Bộ tin có quá khứ vị lai. Chấp có tùy miên không phải là pháp tương ứng.

Các đối tượng chấp như thế, rất là vô dụng. Như luận kia nói: Các triền tham dục, tất cả đều là tùy miên dục tham.

Có tùy miên dục tham không phải triền dục tham nghĩa là tùy miên dục tham bất tương ứng hành.

Vì sao bộ kia chấp như thế?

Do văn kinh, luận đều có thể được.

Giải thích tất cả nghĩa kia đều như thuyết trước đã nói: Nếu chỉ như văn mà nhận lấy nghĩa ấy, thì như Khế kinh nói: Có tùy miên sắc, văn này lẽ ra cũng không quán sát riêng. Về nghĩa lý giải thích, như văn mà nhận lấy, thì thể của tùy miên không phải chỉ có thể chấp tánh tương ứng chung và bất tương ứng, lẽ ra cũng chấp chung các loại môn sai khác có sắc, không có sắc, có thấy, không có thấy v.v...

Lại, vì sao luận kia lại ghét, trái các đặc của tùy miên?

Nếu tin có được đủ, thì có khả năng giải thích chung nghĩa văn u huyền, ẩn mật trong các Thánh giáo, hầu hết các loại tà chấp đều không thể lập ra vấn nạn như thật, nhằm, bác bỏ tông mà tin có được.

Chấp tùy miên bất tương ứng, mà luận thì thường bị tùy theo do vấn nạn mắc phải vô lượng lỗi lầm, nên không thể giải thích chung nghĩa văn của Thánh giáo, mà cố chấp phương tiện trái với chấp chánh, tà, chưa xem xét chất chứa ở tâm nào nên như thế. Đâu nhọc công gạn hỏi, vì các thế gian được và nhân trước từ vô thủy đều bình đẳng, mà hiện thấy có chỉ tham là mạnh mẽ, nhạy bén nhất, nói rộng cho đến có hành vi xen lẫn, chẳng phải không có nhân riêng mà có sự như thế, nên phải do tùy miên bất tương ứng riêng.

Cách giải thích này cũng không đúng, vì nếu tín thật sự có hai đời quá khứ, vị lai, thì dù không lập riêng bất tương ứng hành, gọi là tùy miên, cũng vẫn với tham mạnh mẽ, nhạy bén v.v... đều được thành tựu, nghĩa là do cảnh v.v... của hai nhân Đồng loại xa gần, duyên riêng tư trợ chột phát, khiến cho thế lực dẫn riêng quả kia. Lại, dứt tranh luận rộng.

Như Khế kinh nói: Có tùy miên tham tùy miên tham này lấy gì làm thể? Ái sắc, Vô sắc?

Phật nói: Hữu tham, đây gọi là nhân gì, chỉ ở nhân kia, lập tham kia, đa số nhờ dựa vào môn nội chuyển biến, nghĩa là tham cõi Dục, phần nhiều ở môn ngoài cảnh dục mà chuyển, không gọi hữu tham. Tham của hai cõi trên, phần nhiều ở môn nội của cảnh định mà chuyển, nên gọi hữu tham.

Lại, do có người đối với cõi Sắc, cõi Vô sắc, khởi tưởng giải thoát. Vì ngăn dứt người ấy, nghĩa là người hai cõi trên có cầu giải thoát, vì lấy vọng tưởng làm đắc trước, sinh lên cõi kia, nên có chấp cõi kia là giải thoát chân thật. Đức Phật vì ngăn dứt thứ tưởng giải thoát chân của họ, nên ở cõi trên, đặt ra tên hữu. Hai cõi tham, được lập tưởng hữu tham.

Phàm nói hữu tức nghĩa sinh thân. Đây là Đức Phật chỉ rõ người muốn cầu giải thoát, thì đối với tất cả có, không nên mong cầu.

Ở đây, Kinh chủ lại giải thích: Tự thể trong đây, được lập do tên hữu. Các hữu tình kia đa số ở đẳng chí và dựa vào đó sinh đắm vị sâu dày, nên nói hữu tình kia, chỉ tham đắm vị, tự thể không phải cảnh tham đắm vị. Vì lìa dục tham, nên chỉ Đức Phật kia lập danh từ hữu tham.

Cách giải thích này so với nghĩa trước đâu có khác nhau. Nghĩa là trước đây đã nói: Tham của hai cõi trên, phần nhiều ở môn nội của cảnh định mà chuyển.

Lại, nói: Có người ở cảnh hữu sinh thân của cõi Sắc, Vô sắc, khởi tưởng giải thoát, thì vì đã nói định và sinh thân đều được tên hữu, vì cùng có tự thể. Rõ ràng cách giải thích của Kinh chủ, ta thấy về nghĩa không khác trước, chỉ cấu trúc những từ nổi bật trông dường như có một ít khác.

Thượng tọa bộ nói có hai loại tùy miên:

1. Chỉ triền dục.
2. Chung cho ba cõi.

Tự đặt ra nghi vấn: Há là hữu tham?

Có luận nói: Chỉ hai cõi trên đều không có Thánh giáo. Đối với cõi Sắc, cõi Vô sắc nói riêng tiếng hữu, nên vấn nạn căn cứ ở chữ tín. Nhưng chỗ nào trong các Thánh giáo, cũng đều dùng tiếng hữu để nói ba cõi.

Há là đối với cảnh, cũng nói tiếng hữu?

Tùy miên dục tham không nên lập riêng?

Vấn nạn này phi lý, vì chuyển biến có khác, nghĩa là các dục tham được chuyển biến ở môn ngoài, chuyển biến môn nội, nghĩa là gọi là hữu tham. Lại, như tham đắm cảnh với tham đắm hữu khác nhau, mà



dẫn dắt tùy miên khác nhau cũng vậy.

Lại, tham của duyên theo cảnh giới, duyên sinh thân, đối trị bất đồng, nên lập riêng hai. Lại, tất nhiên, gây hao tổn, chế phục dục tham và giận. Tiên ngoại mới có thể nhập cõi Sắc, cõi vô sắc, nên thể dục tham không phải tức hữu tham, vì hữu tình kia duyên chính nó nối tiếp nhau, tức ngã ái thường theo đuổi, không có gián đoạn.

Ở đây, Thượng tọa bộ rất ghét lập sự khác nhau của tùy miên, dùng tiếng dục tham chứa nạp nói tất cả tham của cõi Dục. Sinh thân của cõi Dục, cũng thuộc về cõi Dục.

Vì sao duyên tham kia không phải dục tham?

Như nói: Tham sắc không phải chỉ duyên sắc, mà nói chung tất cả duyên tham của cõi Sắc.

Cũng thế, dục tham không phải chỉ duyên dục, mà nói chung tất cả duyên tham cõi Dục.

Thượng tọa bộ đã trì Khế kinh cũng nói: Nếu duyên cõi Dục khởi nhiễm, khởi tham, khởi A-lại-da, khởi Ni-diên-đề, khởi các tham đắm, là tướng của dục tham, nên chấp hữu tham chung ba cõi, là không phải chấp thiện. Lại, không phải đưng Phật nói chỉ chung cả ba cõi, có thể nói tiếng hữu. Vì sao? Vì tiếng hữu, hoặc nói phần ít của một cõi, phần ít của hai cõi, phần ít của ba cõi. Như kinh Thất hữu, cực bảy hữu v.v... như phải phối hợp giải thích, nên thuyết này đã nói tùy miên dục tham, thấu nhiếp chung hết tất cả tham cõi Dục. Ái của hai cõi còn lại, đưng gọi chung là hữu tham, đặt tên là nhân duyên, như trước đã nói.

Nếu chỉ duyên tham trong, gọi là hữu tham, thì ái của sắc, tiếng, xúc, trong cõi Sắc chẳng phải là duyên trong khởi, nên không phải hữu tham, thì các tùy miên nên lập có tám. Lại, nói hữu nghĩa là không chỉ sinh thân, mà còn do trong Khế kinh nói nghiệp hữu, trung hữu. Cho nên, như tiếng dục hữu gồm nói cảnh dục.

Như thế, cõi Dục tham của duyên sinh thân cũng thuộc về tùy miên dục tham. Thế nên, tất cả tham lệ thuộc cõi Dục, đều dùng tiếng tùy miên dục tham để nói. Hoặc đối với cảnh dục cũng nói tiếng hữu. Tùy miên dục tham thì nói vô dục, vì nói chuyển biến khác. Về lý cũng không đúng. Nói phần nhiều nói chấp nhận có thể như thế, nghĩa là căn cứ phần nhiều về lý thì có thể. Nhưng vì tham cõi Dục phần nhiều là môn ngoài, chuyển ái của sắc, Vô sắc, phần nhiều ở môn trong, chẳng phải chấp dục tham, chỉ duyên ngoài khởi, chỉ duyên trong khởi mới gọi hữu tham, có thể nói hai tham, vì chuyển khác, nên khác. Hoặc Thượng tọa bộ kia lẽ ra thừa nhận tham của cõi Sắc, cõi Vô sắc hoàn toàn không



có duyên chuyển môn ngoài.

Lại, các tham chấp cảnh, tức là tham đắm hữu, vì các cảnh giới cũng gọi hữu. Hoặc các tham đắm hữu, tức là cảnh tham đắm. Các hữu cũng thuộc về cảnh giới, nên do đó đã nói: Lại như cảnh đắm chấp khác với tham đắm hữu, không phải vì khéo nói.

Lại, thuyết kia đã nói, do đối trị tham của thân, cảnh không đồng, nên lập riêng hai.

Đối trị nói ở đây là riêng hay chung? Nếu cho lời nói này là căn cứ ở đối trị riêng, tức tham cảnh giới, nên phải chia thành nhiều thứ, nghĩa là tham của các cảnh sắc giới, tiếng v.v..., vì chế phục, đối trị đều có khác.

Nếu cho rằng lời nói này là căn cứ ở đối trị chung thì cả hai đối trị này sẽ có khác, có đồng.

Vì sao nhất định nói đối trị có khác?

Hoặc đối trị tham trong hai cõi Sắc, cõi Vô sắc có bất đồng, lẽ ra cũng phải chia làm hai.

Lại, nói gây hao tổn, khuấy phục dục tham và giận, Tiên ngoài mới có thể nhập sắc, Vô sắc, nên thể của dục tham không phải tức hữu tham, vì hữu tình kia duyên chính nó nối tiếp nhau, ngã ái thường theo đuổi, không có gián đoạn.

Lời nói này rất trái với lý Thánh giáo, vì chỉ không hiện hành, gọi là hao tổn chiết phục. Nếu tham duyên sinh thân lệ thuộc cõi Dục cũng gọi là hữu tham, ngã ái, hoặc ngã ái này thường theo hiện hành thì vị tiên kia nhất định không có chấp nhận sắc, Vô sắc. Nếu không gây hao tổn, chế phục tham của sinh thân phẩm hạ mà các tiên ngoài chấp nhận địa trên, thì không nên nói là chiết phục dục tham, giận, tiên ngoài mới có thể nhập sắc, Vô sắc.

Nếu cho rằng hiện khởi tham, giận của cảnh dục, có thể làm chướng ngại tiên ngoài nhập cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải duyên tham của sinh thân lệ thuộc cõi Dục, có thể làm chướng ngại tiên ngoài, lời nói này, có lý gì?

Vì nhằm chán cảnh của thân phẩm hạ, mới sinh lên cõi trên. Mặc dù vị tiên kia lại nói, há là cho đến hưởng A-la-hán trụ cõi Dục, đối với thân cõi Dục, có ngã mạn ái, tất nhiên không có việc này.

Hoặc sao không thừa nhận quả A-la-hán cũng có việc này?

Nếu là nhiễm cõi Dục, không dứt tham cõi Dục, khi là nhiễm hữu đảnh, nên cũng không có lý đoạn. Do A-la-hán kia đối với nhiễm này không phải đối trị. Hoặc tất cả phiền não của địa phẩm hạ và nhiễm

Hữu Đảnh, đều cùng lúc đoạn diệt, Tu đạo đối trị trước, ấy là vô dụng!

Hoặc nên nói về nhân duyên v.v... sai khác kia, tham cõi Dục dứt có dần dần và ngay tức khắc.

Nếu cho rằng chứng này là do kinh an ổn. Không như vậy, thì sẽ không hiểu rõ nghĩa của kinh kia, nghĩa là nhân giả kia đã kiến đế lý, căn cứ Tu đạo đoạn, ngã ái, ngã mạn bị lệ thuộc cõi Dục, nên nói thế này: Trong ngã sắc v.v... không tùy theo chấp ngã. Nhưng ở trong năm thủ uẩn như thế, có ngã mạn, ái, tùy miên chưa dứt, nghĩa là phiền não này tùy theo hành thân kiến. Vì thân Kiến đạo đoạn, nên phiền não này không hiện khởi. Nhưng cũng vì chưa dứt hẳn, chưa được đối trị, nên giải thích như thế.

Có chỗ nào trái mà có đối tượng trái?

Nghĩa là kinh kia nói: Phật vì vị Thánh kia nói pháp môn này, lúc ấy các Tỳ kheo yên ổn thành A-la-hán. Các lậu hết hẳn, tâm khéo giải thoát. Do đó, biết được A-la-hán kia, trước đó là Bất hoàn, đã từng tiến tu hưởng A-la-hán, ở vị xuất quán, nói lời như thế này: Trong ngã sắc v.v... cho đến nói rộng. Phật vì thuyết pháp, kinh chỉ nói: Thành tựu quả A-la-hán, không nói vì pháp khác nên điều này không thành chứng.

Trong Khế kinh kia, nghiêng về nêu quả thù thắng nhất đã đạt được, như dụ vỗ bàn tay, Khế kinh nói v.v... không phải các bậc Thánh tạo ra tâm, tư này: Ta, ta giống với gì, cho đến nói rộng.

Đức Thế Tôn dùng phương tiện khai ngộ tâm bậc Thánh kia. Kinh chỉ nói thành tựu quả A-la-hán, nghĩa là kinh nói bậc Thánh giác ngộ lời Phật đã nói, thành A-la-hán tâm hoàn toàn giải thoát, không phải các phàm phu nghe pháp, mau chóng chứng quả A-la-hán mà nói như thế, nghiêng về nêu quả thù thắng nhất.

Cách giải thích này cũng nên như thế.

Hoặc Khế kinh kia, căn cứ loại thủ uẩn, nên nói như thế: Nhưng ở trong năm thủ uẩn như thế, có tùy miên ngã mạn, ái chưa dứt, về lý, thật sự chỉ có ngã mạn, ngã ái trong thủ uẩn trên. Tự xưng Thích tử, tất nhiên không nên nói là mình đã lìa dục tham, cũng còn có tùy miên ngã mạn, ngã ái chưa dứt trừ, huống chi nói hai thứ này thường theo hiện hành!

Thế nên, hữu tham chỉ ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải ở cõi Dục, lý đó cực thành.

Đã nói hữu tham ở hai cõi trên, về nghĩa căn cứ ở tham cõi Dục, gọi là tham dục, nên trong bài tụng không hiển bày riêng.

